

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

VnIndex có một phiên giằng co và đóng phiên ở mức tăng nhẹ khi tình hình dịch Covid-19 tại các thành phố lớn không có dấu hiệu bùng phát

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

HĐTL giảm nhẹ, tương đồng với TTCK trong khu vực

[Thông tin doanh nghiệp]

KBC, VND

[Quan điểm đầu tư]

NĐT được khuyến nghị duy trì vị thế trung hạn và có thể gia tăng 1 phần tỷ trọng ngắn hạn trở lại trong các nhịp rung lắc điều chỉnh của thị trường.

04/02/2021

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,112.19	+0.08
VN30	1,117.74	-0.02
HĐTL VN30F1M	1,115.00	-0.88
HNXIndex	223.68	+0.03
HNX30	330.96	+0.47
UPCoM	74.06	+1.04
USD/VND	23,026	-0.01
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.24	-2
Lãi suất qua đêm (%)	1.78	-5
Dầu (WTI, \$)	56.05	+0.65
Vàng (LME, \$)	1,813.80	-1.10



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,112.19 (+0.08%)
KLGD (triệu CP) 471.4 (-22.1%)
GTGD (triệu US\$) 539.9 (-21.7%)

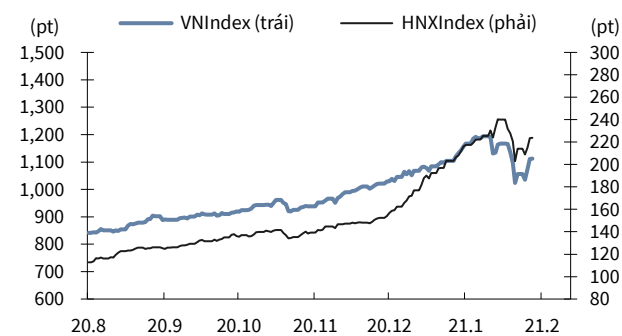
HNXIndex 223.68 (+0.03%)
KLGD (triệu CP) 80.8 (-31.0%)
GTGD (triệu US\$) 56.4 (-19.6%)

UPCoM 74.06 (+1.04%)
KLGD (triệu CP) 37.0 (-33.5%)
GTGD (triệu US\$) 21.7 (-5.1%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) +7.1

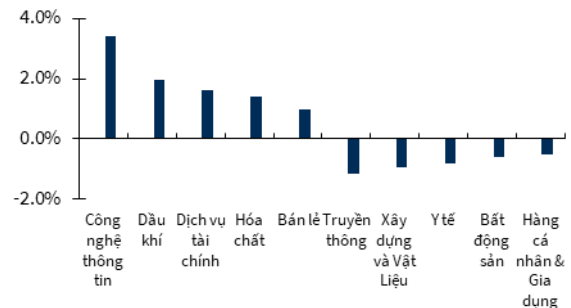
VnIndex có một phiên giằng co và đóng phiên ở mức tăng nhẹ khi tình hình dịch Covid-19 tại các thành phố lớn không có dấu hiệu bùng phát. Theo kết quả điều tra khảo sát của NHNN cho thấy, ngoại trừ nhóm ngân hàng TMCP lớn, các ngân hàng TMCP còn lại đều nâng mức dự báo về tăng trưởng tín dụng của đơn vị mình trong năm 2021 và ước tính tín dụng quý I/2021 sẽ tăng 3.6% và tín dụng cả năm 2021 tăng 13% giúp cổ phiếu ngân hàng tăng giá ở VPB (+3.2%), BID (+0.4%). Cổ phiếu nhóm dầu khí giao dịch tích cực hơn thị trường chung như PVD (+4.8%), PVS (+1.7%) sau khi OPEC và đồng minh bày tỏ lạc quan về triển vọng phục hồi kinh tế toàn cầu. Colliers International Việt Nam nhận định xu hướng giá tăng ở các phân khúc căn hộ trung và cao cấp sẽ tiếp diễn trong năm 2021 giúp tăng giá ở cổ phiếu bất động sản như VHM (+1.2%), KDH (+3.3%). Khối ngoại mua ròng ở FUEVFVND (0%), VHM (+1.2%), VNM (-0.8%).

VNIndex & HNXIndex



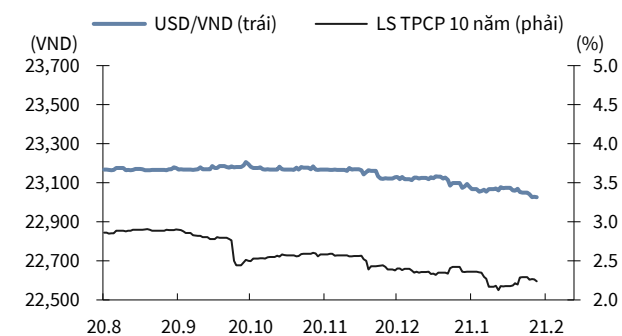
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



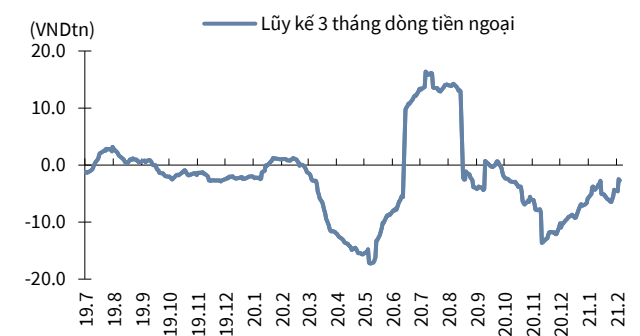
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

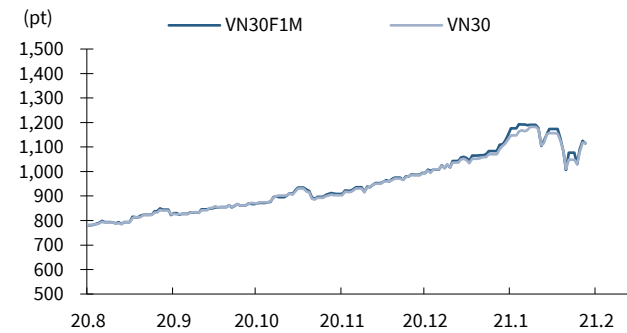
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,117.74 (-0.02%)
VN30F1M	1,115.0 (-0.88%)
Mở cửa	1,126.6
Cao nhất	1,134.0
Thấp nhất	1,106.2

HĐTL giảm nhẹ, tương đồng với TTCK trong khu vực. Chênh lệch F2102 và VN30 mở cửa ở mức 10.42 và thu hẹp dần trong phiên, đóng cửa ở mức -2.74. NĐTNN mua ròng nhẹ trong phiên hôm nay. Thanh khoản thị trường tăng nhẹ.

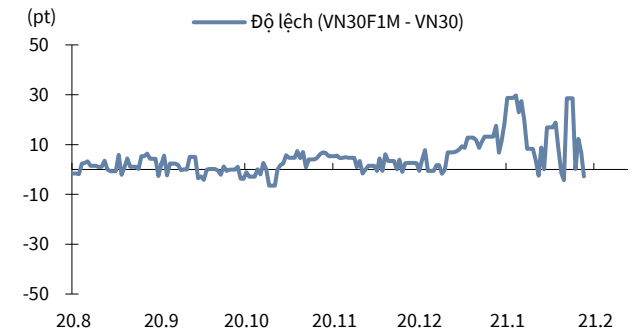
KLGD (HĐ) **275,292 (+29.4%)**

HĐTL VN30F1M & VN30



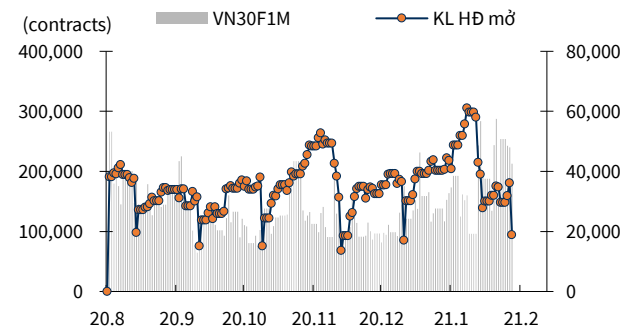
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



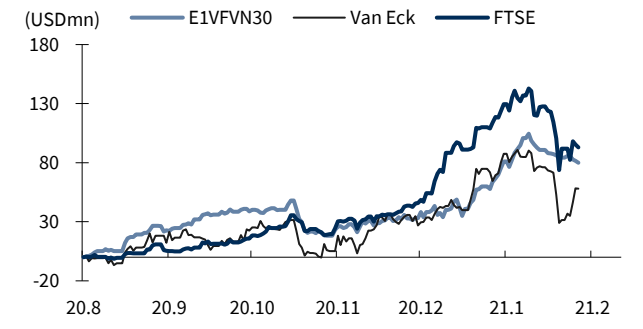
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

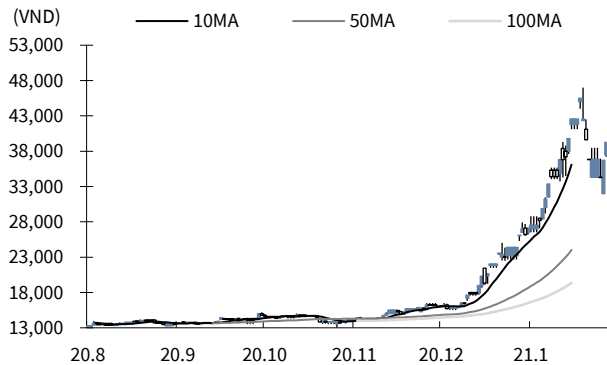
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

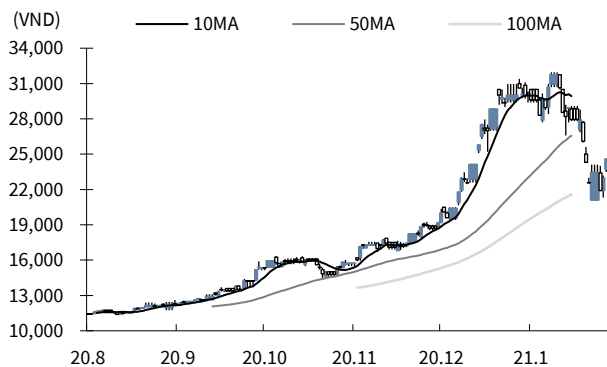
Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc (KBC)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- KBC tăng 2.3% lên 40,150 VNĐ/cp.
- KBC công bố thành lập CTCP Tập đoàn Đầu tư Phát triển Hưng Yên có vốn điều lệ 1,800 tỷ đồng, trong đó KBC góp 60% vốn để đầu tư vào dự án quần thể công nghiệp – đô thị lớn ở Hưng Yên.
- Bên cạnh đó, KBC cho biết đã hoàn thành nộp hết tiền sử dụng đất cho Khu đô thị Trảng Cát và đã được bàn giao hiện trạng đất để làm các thủ tục triển khai, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng của dự án.

VNDirect (VND)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VND tăng 3.7% lên 25,500 VNĐ/cp.
- VND đăng ký bán 6 triệu cổ phiếu quỹ từ ngày 22/2 đến 22/3 là nhằm cơ cấu lại nguồn vốn và tăng khối lượng cổ phiếu đang lưu hành với khối lượng đặt bán mỗi ngày tối thiểu 3% và tối đa 10% lượng đăng ký.
- Hiện công ty nắm giữ hơn 11.9 triệu cổ phiếu quỹ trước giao dịch trên, có giá trị 201.4 tỷ đồng tương đương mức giá mua bình quân 16,910 đồng/cp.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

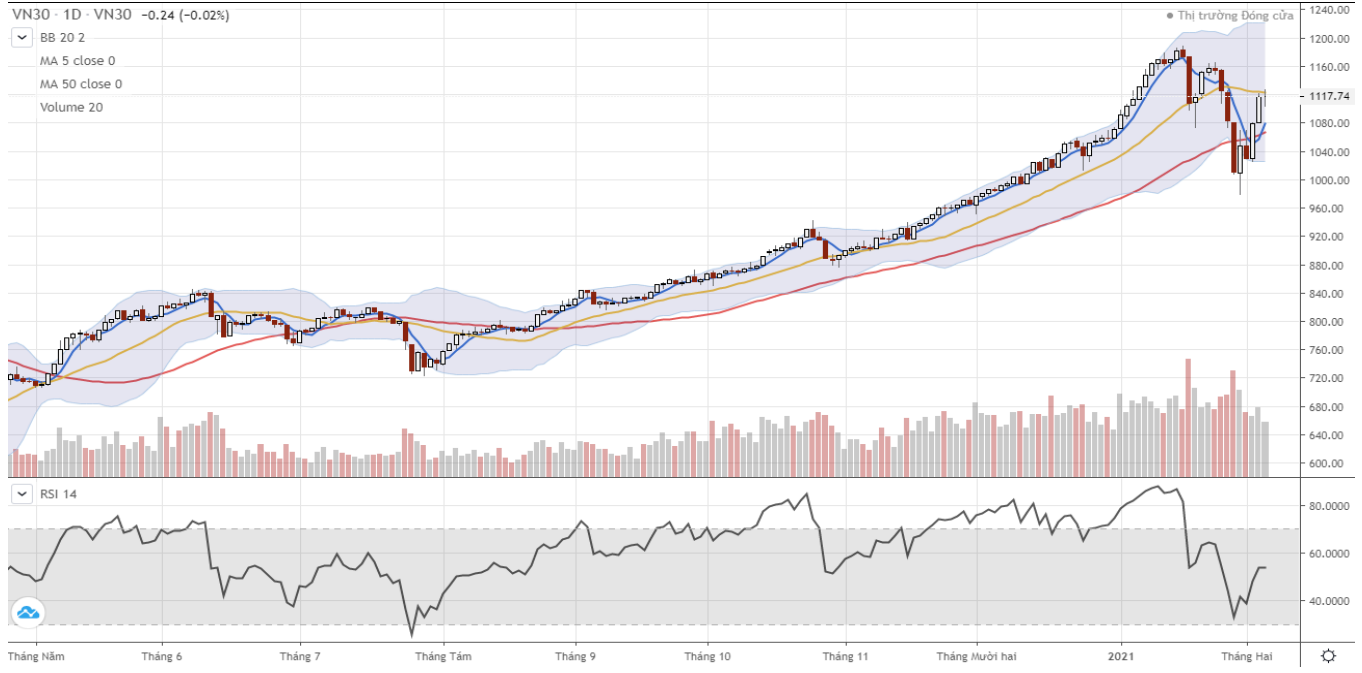
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



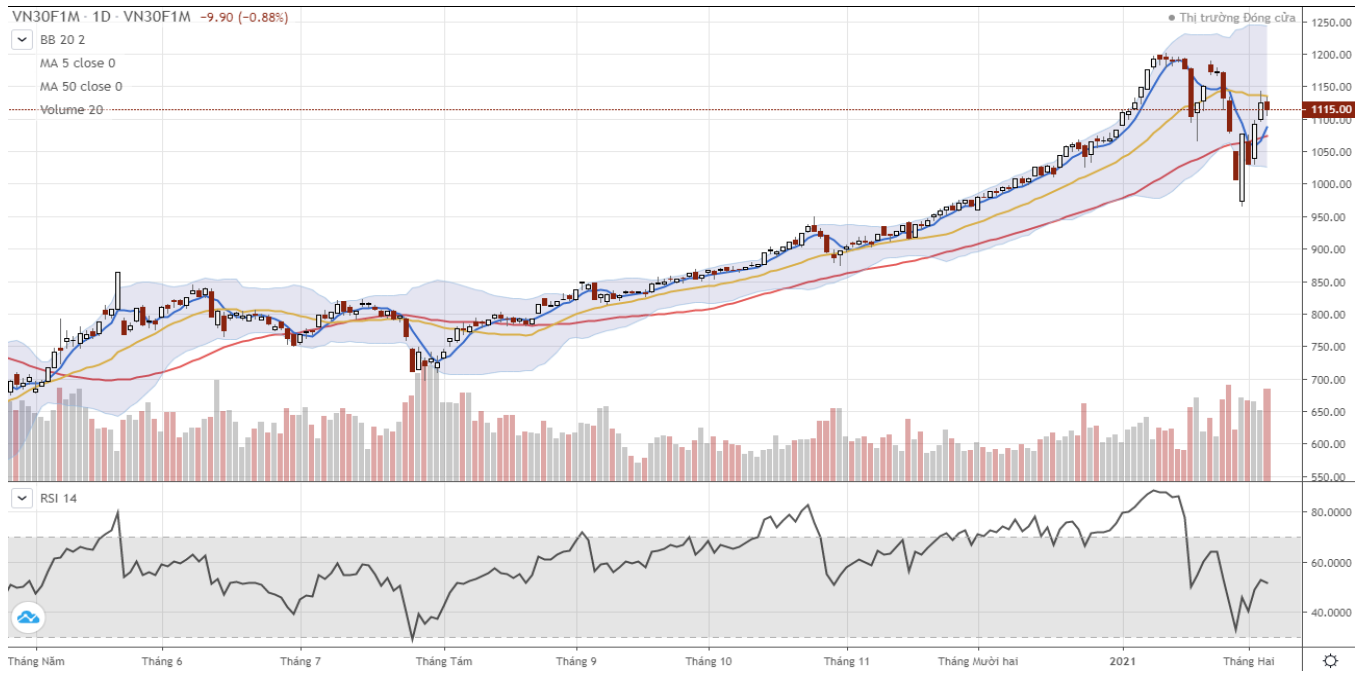
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex diễn biến giằng co trong phiên, hình thành mẫu nến spinning trung tính.
- Chúng tôi cho rằng rủi ro điều chỉnh có thể gây áp lực cho chỉ số trong một vài phiên tới. Tuy nhiên với xu hướng hồi phục vẫn đang đóng vai trò chủ đạo, cơ hội hồi phục sau đó và tiến lên vùng cản 1150-1155 tiếp tục được bảo lưu.
- NĐT được khuyến nghị duy trì vị thế trung hạn và có thể gia tăng 1 phần tỷ trọng ngắn hạn trở lại trong các nhịp rung lắc điều chỉnh của thị trường.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1152 - 1157

Kháng cự gần: 1122 - 1127

Hỗ trợ gần: 1100 - 1105

Hỗ trợ xa: 1090 - 1095

— F1 diễn biến giằng co với lực bán có phần gia tăng vào cuối phiên.

— Chúng tôi cho rằng rủi ro điều chỉnh có thể gây áp lực cho chỉ số trong một vài phiên tới. Tuy nhiên với xu hướng hồi phục vẫn đang đóng vai trò chủ đạo, cơ hội hồi phục sau đó và tiến lên vùng cản 1150-1160 tiếp tục được bảo lưu.

— Chiến lược giao dịch trong phiên: Ưu tiên mở LONG tại các vùng hỗ trợ.

— Chiến lược giao dịch qua đêm: Chờ mở thêm vị thế LONG nếu về lại vùng hỗ trợ xa.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

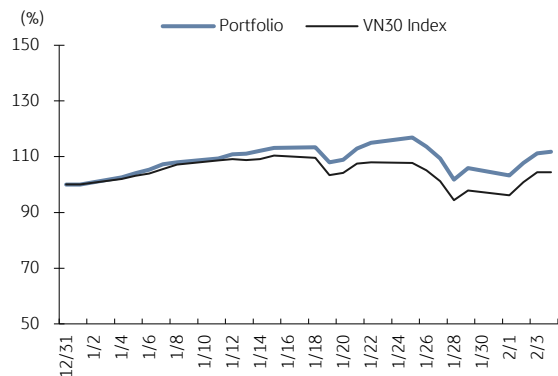
Khởi phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-0.02%	0.51%
Tăng lũy kế (YTD)	4.39%	11.79%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 04/02/2021	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	128,500	0.8%	10.9%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	32,500	0.0%	32.9%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	82,900	0.0%	8.2%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	24,050	-0.8%	41.5%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - MCredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	53,500	-0.9%	57.4%	- Mạng cho thuê vẫn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	72,500	3.6%	116.6%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mạng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	34,700	-0.6%	42.2%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	81,000	1.3%	10.4%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	41,800	-0.5%	113.9%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	40,150	2.3%	193.1%	- Giá bán khu đô thị Tràng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
FUEVFNVD	0.0%	99.3%	284.0
VHM	1.2%	32.1%	129.1
VNM	-0.8%	14.0%	64.4
MSN	0.7%	31.1%	28.9
PDR	0.0%	22.2%	25.6

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
POW	1.2%	8.5%	-85.3
STB	-2.2%	11.4%	-41.6
BVH	-0.7%	28.7%	-27.3
PVD	4.8%	49.0%	-26.9
HDB	-1.9%	9.9%	-26.4

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
PLC	4.1%	6.3%	10.2
NVB	0.0%	5.4%	9.2
PVS	1.7%	0.2%	8.6
TNG	9.9%	3.7%	2.0
VCS	1.0%	9.2%	1.7

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
SHS	0.0%	14.3%	-2.1
BVS	9.5%	2.2%	-1.7
EID	-2.4%	14.1%	-0.6
CEO	0.0%	22.0%	-0.4
PGS	-1.2%	0.1%	-0.2

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Công nghệ thông tin	18.8%	FPT, CMG
Ngân hàng	10.6%	VCB, VPB
Tài nguyên Cơ bản	10.5%	HPG, HSG
Bất động sản	9.6%	VIC, VHM
Dầu khí	9.4%	PLX, PVD

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	-1.7%	YEG, PNC
Hóa chất	-0.6%	GVR, SFG
Ô tô và phụ tùng	3.0%	SVC, SRC
Y tế	3.1%	PME, SPM
Bán lẻ	3.9%	COM, ABS

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Công nghệ thông tin	13.7%	FPT, SGT
Hàng cá nhân & Gia dụng	5.6%	TCM, STK
Ô tô và phụ tùng	4.7%	DRC, TCH
Bán lẻ	4.4%	MWG, ABS
Bất động sản	2.3%	BCM, VHM

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	-14.6%	YEG, PNC
Bảo hiểm	-13.1%	BVH, BMI
Dịch vụ tài chính	-12.1%	SSI, HCM
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-10.6%	GAS, POW
Hóa chất	-8.7%	GVR, SFG

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	105,000	355,155 (15,424)	140,443 (6.1)	22.7	43.1	30.3	11.1	8.5	11.0	3.4	3.0	-2.3	12.9	-2.8	-3.0
	VHM	VINHOMES JSC	98,400	323,688 (14,058)	288,063 (12.5)	26.8	10.3	8.8	37.1	30.7	28.4	2.8	2.2	1.2	12.6	7.0	9.9
	VRE	VINCOM RETAIL JS	32,600	74,078 (3,217)	255,975 (11.1)	17.6	23.6	17.9	-7.6	10.6	12.3	2.4	2.2	-1.5	1.7	3.0	3.8
	NVL	NO VA LAND INVES	81,500	86,712 (3,766)	348,232 (15.1)	31.1	20.2	17.2	6.4	13.5	13.7	2.7	2.2	-1.8	7.5	26.6	24.9
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	32,700	18,273 (794)	49,746 (2.2)	11.2	14.5	9.7	17.7	15.1	20.1	2.1	1.8	3.3	2.5	11.4	11.6
	DXG	DAT XANH GROUP	21,300	11,040 (479)	203,946 (8.8)	13.8	10.1	7.2	-	15.2	18.2	1.4	1.2	2.2	9.0	29.9	33.5
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	98,900	366,808 (15,930)	116,032 (5.0)	6.3	18.4	14.6	17.8	19.3	20.7	3.2	2.7	0.0	9.2	-0.1	1.0
	BID	BANK FOR INVESTM	41,500	166,914 (7,249)	94,416 (4.1)	12.7	17.9	11.9	4.9	12.2	15.4	1.9	1.7	0.4	7.9	14.0	-13.4
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	35,000	122,672 (5,328)	590,900 (25.6)	0.0	9.5	8.1	14.4	16.4	16.2	1.4	1.2	0.0	12.2	6.1	11.1
	CTG	VIETNAM JS COMM	34,700	129,202 (5,611)	370,118 (16.0)	1.3	9.9	7.7	61.0	14.8	15.8	1.4	1.2	-0.6	14.3	-2.3	0.4
	VPB	VIETNAM PROSPERI	36,600	89,844 (3,902)	209,802 (9.1)	0.0	8.4	7.5	18.8	18.5	17.2	1.5	1.2	3.2	23.4	7.0	12.6
	MBB	MILITARY COMMERC	24,050	67,310 (2,923)	477,963 (20.7)	0.1	7.0	5.9	14.6	18.7	19.0	1.2	1.0	-0.8	7.6	1.3	5.5
	HDB	HDBANK	23,550	37,533 (1,630)	135,513 (5.9)	4.0	7.0	6.1	23.4	19.0	18.5	1.2	1.0	-1.9	8.5	-2.3	-0.8
	STB	SACOMBANK	17,600	31,744 (1,379)	622,311 (27.0)	13.7	14.2	10.7	32.4	8.4	9.9	1.1	1.0	-2.2	9.7	0.3	4.1
	TPB	TIEN PHONG COMME	26,500	27,339 (1,187)	90,730 (3.9)	0.0	7.5	6.3	37.5	19.9	19.7	1.4	1.1	-1.1	13.5	-4.7	-1.1
EIB	VIETNAM EXPORT-I	17,800	21,884 (950)	17,517 (0.8)	0.0	29.3	23.2	27.3	4.4	5.3	1.3	1.2	-0.6	-1.7	-8.7	-7.5	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	58,100	43,129 (1,873)	68,257 (3.0)	20.9	27.6	24.1	15.2	8.2	8.6	2.1	1.9	-0.7	7.6	12.4	-12.0
	BMI	BAOMINH INSURANC	25,350	2,316 (101)	21,838 (0.9)	14.1	12.2	10.0	8.4	9.4	11.1	1.0	0.9	0.2	4.1	20.2	-17.2
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	29,700	17,791 (773)	442,384 (19.2)	54.9	15.3	13.5	0.0	11.6	12.0	-	-	0.0	7.0	12.1	-10.3
	VCI	VIET CAPITAL SEC	53,000	8,777 (381)	89,928 (3.9)	72.1	11.4	-	-4.0	15.5	-	-	-	2.3	8.1	12.1	-8.9
	HCM	HO CHI MINH CITY	27,300	8,328 (362)	180,326 (7.8)	51.0	15.7	-	-19.0	14.6	-	-	-	0.0	5.6	14.7	-13.1
	VND	VNDIRECT SECURIT	25,500	5,317 (231)	156,342 (6.8)	27.0	-	-	36.7	11.2	-	-	-	3.7	12.8	16.7	-15.0
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	108,800	227,387 (9,875)	334,867 (14.5)	42.3	19.9	18.3	4.0	38.6	37.5	6.9	6.0	-0.8	13.2	-0.5	0.0
	SAB	SAIGON BEER ALCO	182,100	116,777 (5,072)	39,707 (1.7)	36.8	22.3	19.1	7.3	25.3	26.3	5.0	4.5	1.7	4.8	-8.7	-6.6
	MSN	MASAN GROUP CORP	89,500	105,134 (4,566)	219,988 (9.5)	16.9	39.7	26.0	-51.9	9.7	14.2	3.1	2.9	0.7	4.9	0.7	0.7
	HNG	HOANG ANH GIA LA	11,100	12,305 (534)	142,597 (6.2)	48.7	-	-	-	-	-	-	-	-0.9	-0.9	25.5	-23.7
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	130,600	68,413 (2,971)	87,051 (3.8)	11.1	31.4	20.9	-88.3	14.1	18.3	4.2	3.6	-0.3	7.3	3.8	4.5
	GMD	GEMADEPT CORP	30,400	9,162 (398)	134,460 (5.8)	10.7	20.3	15.3	-57.3	7.5	9.5	1.5	1.3	4.6	5.6	-8.2	-6.7
	CII	HO CHI MINH CITY	21,300	5,087 (221)	59,396 (2.6)	39.6	10.5	7.0	78.0	8.9	12.0	0.9	0.9	-1.6	4.4	-3.8	-0.5
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,860	2,191 (095)	111,595 (4.8)	46.3	-	-	-89.3	-	-	-	-	6.9	19.8	52.0	52.6
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	20,600	9,929 (431)	174,039 (7.5)	37.4	11.9	7.4	-13.3	12.4	17.5	-	-	2.2	5.6	10.0	-8.4
	CTD	COTECCONS CONSTR	70,300	5,222 (227)	97,804 (4.2)	3.4	9.9	10.0	-43.9	6.4	6.5	0.6	0.7	-1.0	-0.3	-8.1	-9.5
	REE	REE	53,500	16,534 (718)	38,931 (1.7)	0.0	9.8	8.7	-4.5	14.0	13.7	1.3	1.2	-0.9	10.8	6.4	9.3

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDm)	GTGD (VNDtriệu, USDm)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiền ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	81,000	155,030 (6,733)	91,944 (4.0)	46.1	19.2	15.9	-15.4	16.9	22.5	3.2	3.1	1.3	10.2	-8.8	-6.5
	NT2	PETROVIETNAM NHO	23,900	6,880 (299)	20,911 (0.9)	31.2	10.1	8.5	-10.5	16.9	20.3	1.6	1.6	0.0	6.0	-3.8	-2.8
	PPC	PHA LAI THERMAL	25,500	8,176 (355)	14,395 (0.6)	34.0	9.8	9.8	-5.3	13.0	14.3	1.4	1.4	-1.2	1.0	4.1	4.3
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	41,800	138,495 (6,015)	1,028,825 (44.6)	18.1	9.5	8.4	25.2	22.2	21.5	2.1	1.6	-0.5	11.5	-1.2	0.8
	DPM	PETROVIETNAM FER	15,950	6,242 (271)	51,505 (2.2)	36.2	9.7	11.0	0.2	8.9	7.5	0.7	0.7	0.0	3.2	-	-15.2
	DCM	PETRO CA MAU FER	12,700	6,723 (292)	52,190 (2.3)	46.0	15.6	14.7	-4.3	7.8	8.2	1.1	1.1	0.8	3.3	-9.9	-9.3
	HSG	HOA SEN GROUP	23,900	10,619 (461)	224,959 (9.8)	37.6	9.2	8.3	67.9	16.2	14.8	1.4	1.2	0.0	9.4	0.8	7.9
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	13,300	2,949 (128)	50,482 (2.2)	97.0	8.0	8.5	41.5	12.5	10.6	0.9	0.8	0.0	2.7	-8.6	-7.6
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	51,300	62,525 (2,715)	52,210 (2.3)	4.5	19.0	16.2	-49.7	15.3	16.4	2.5	2.5	1.6	8.7	-6.6	-6.0
	PVD	PETROVIETNAM DRI	19,600	8,254 (358)	234,386 (10.2)	39.5	61.7	22.2	-11.9	0.9	2.8	0.6	0.7	4.8	15.3	13.3	21.0
	PVT	PETROVIET TRANSP	16,450	5,324 (231)	116,323 (5.0)	35.2	10.0	9.3	-0.1	10.4	10.3	0.9	0.8	0.3	6.5	13.1	17.5
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	128,500	59,897 (2,601)	190,416 (8.3)	0.0	11.6	9.4	13.7	28.2	29.0	3.0	2.5	0.8	3.5	6.6	8.1
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	82,900	18,849 (819)	55,753 (2.4)	0.0	15.5	12.3	7.0	23.1	23.8	3.2	2.6	0.0	6.7	1.5	2.3
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	39,600	1,239 (054)	3,297 (0.1)	70.6	12.1	9.3	-	8.5	10.2	1.0	0.9	-1.2	-2.2	15.4	-14.1
	FRT	FPT DIGITAL RETA	26,800	2,117 (092)	61,943 (2.7)	30.4	19.0	12.7	-75.2	9.2	13.4	1.7	1.6	3.7	1.3	17.0	-16.3
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	58,500	7,927 (344)	73,796 (3.2)	34.7	8.3	14.8	41.1	32.6	16.9	2.3	2.4	-0.3	0.2	-8.0	-7.1
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	99,800	13,048 (567)	2,280 (0.1)	45.4	17.1	16.5	10.7	20.3	19.7	3.2	3.0	-1.0	4.0	-4.6	-4.0
	PME	PYMEPHARCO JSC	74,000	5,551 (241)	191 (0.0)	11.7	-	-	1.7	-	-	-	-	0.0	-2.1	-2.8	-3.3
IT	FPT	FPT CORP	72,500	56,833 (2,468)	175,542 (7.6)	0.0	14.2	12.1	15.5	25.4	27.1	3.1	2.9	3.6	23.7	20.4	22.7

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình

binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Vĩ mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh

anhtd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Vĩ mô – Thái Thị Việt Trinh

trinhhtt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng

tungla@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp – Trần Thị Phương Anh

anhhttp@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu

hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng

tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga

ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Nguyễn Ngọc Hiếu

hieunn@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Khách hàng Quốc tế (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim

harrison.kim@kbf.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung

dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Thủy sản – Nguyễn Thanh Danh

danhnt@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên đọc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.